

Bản án số: 98/2019/DS-PT

Ngày: 10/10/2019

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* ông Trần Minh Bắc
- *Các thẩm phán:* ông Trịnh Hoàng Anh
ông Cao Xuân Long

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Phan Thị Thùy Quyên – Cán bộ
Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên
tòa:*** bà Trần Thị Kiều Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2019 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DSST ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2019/QĐ-PT ngày 11/9/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 90/2019/QĐ-PT ngày 20/9/2019, quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 51/2019/QĐTĐ ngày 07/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1952
Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị Bích V, sinh năm 1975
Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. (có mặt)

Người kháng cáo: nguyên đơn Nguyễn Đức C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Đức C trình bày:

1.1 Ông đã từng khởi kiện bà Hồ Thị Bích V hai lần tại Tòa án nhân dân huyện Đ và đã được giải quyết bằng bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật:

+ Ông cho bà V vay 55.000.000 đồng, ông lập và giữ hợp đồng vay tiền ngày 26/12/2011. Bà V vay thêm 11.600.000 đồng, nên hai bên lập tiếp hợp đồng vay tiền ngày 26/4/2012 ghi số tiền vay 66.600.000 đồng. Bà V không trả nên ông

đã khởi kiện và được Tòa án nhân huyện Đ giải quyết bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 12/2012/QĐST-DS ngày 23/07/2012; theo đó bà V phải trả cho ông 66.600.000 đồng. Bà V mới trả số tiền nhỏ trên tổng số tiền phải thi hành án, nên ông không đồng ý, đã gửi đơn đến Tòa án cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự nói trên.

+ Năm 2012 và năm 2014, bà V vay ông 10.000.000 đồng gồm nhiều khoản nhỏ, không lập giấy tờ, nhưng không trả nên năm 2015 ông khởi kiện. Tòa án nhân dân huyện Đ đã xét xử buộc bà V phải trả cho ông 10.000.000 đồng bằng bản án số 15/2015/DSST ngày 16/12/2015. Bà V đã trả xong.

1.2 Ngày 20/4/2013, ông cho bà V vay 50.000.000 đồng, không thể chấp, lãi suất 2%/tháng, để chuộc sổ đỏ nhà đất (đứng tên mẹ bà V là bà E - đã chết) về vay tiền trả ông 66.600.000 đồng theo Quyết định công nhận thỏa thuận số 12/2012/QĐST-DS ngày 23/07/2012 của Tòa án nhân dân huyện Đ nêu trên. Ông giao tiền tại nhà bà V, chỉ có ông và bà V biết, lập Giấy mượn tiền ngày 20/4/2013, bà V ký ghi rõ họ tên người vay, ông giữ giấy nhưng đã làm thất lạc bản C, nay chỉ còn bản photocopy giao nộp cho Tòa án.

Lý do khiến ông không cung cấp được cho Tòa án bản C Giấy mượn tiền lập ngày 20/4/2013 là: ông đã gửi bản C giấy này cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh qua đường bưu điện khi khiếu nại giám đốc thẩm Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 12/2012/QĐST-DS ngày 23/7/2012, nhưng bị thất lạc. Ông không yêu cầu Tòa án thu thập bản C giấy vay tiền ngày 20/4/2013 ở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, ông còn cho bà V mượn tiền nhiều lần khác, tổng cộng 7.500.000 đồng, hẹn 01 tháng lãnh lương sẽ trả, gồm:

- Ngày 06/10/2016 chữa bệnh cho cháu: 1.000.000 đồng;
- Ngày 17/10/2016 đi đám cưới cháu: 500.000 đồng;
- Ngày 28/09/2017 cấp cứu cho bà: 1.000.000 đồng;
- Ngày 08/10/2018 chữa bệnh cho bà E: 2.000.000 đồng;
- Ngày 12/6/2018 mua máy nước nóng: 2.500.000 đồng;
- Ngày 03/7/2018 trả tiền điện: 500.000 đồng.

1.3 Vì bà V không trả nợ, nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà V trả cho ông tổng cộng 120.500.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng), gồm:

+ 113.000.000 đồng cho khoản vay ngày 20/4/2013, bao gồm 50.000.000 đồng vay gốc, và 63.000.000 đồng lãi trong 63 tháng với lãi suất 2%/tháng. (50.000.000 đồng x 63 tháng x 2%/tháng = 63.000.000 đồng)

+ 7.500.000 đồng các khoản vay không lãi như trên.

2. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Hồ Thị Bích V trình bày:

Bà và ông C quan hệ tình cảm nam nữ. Ông C cho bà mượn tiền nhiều lần, gồm các khoản nhỏ chi tiêu sinh hoạt, và duy nhất một lần khoản tiền lớn 50.000.000 đồng nhưng không nhớ thời gian cụ thể. Khoản vay 50.000.000 đồng được lập giấy tờ nhiều lần và đều do ông C giữ. Bà xác định tiền vay là 50.000.000 đồng, sau đó bà mượn thêm các khoản tiền nhỏ là 5.000.000 đồng và lập giấy thành 55.000.000 đồng. Bà không nhớ rõ từ khoản vay 55.000.000 đồng ông C tính thêm khoản tiền nào nữa thành 66.600.000 đồng, bắt bà ghi giấy nhận nợ 66.600.000 đồng và ông C giữ giấy nợ. Ông C đã khởi kiện bà đến Tòa án nhân dân huyện Đ, được Tòa án giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 12/2012/QĐST-DS ngày 23/7/2012. Vì khó khăn nên bà xin ông C cho trả dần, đã trả bên thi hành án một phần và trả ở nhà một phần, hiện vẫn tiếp tục trả.

Bà không biết khoản vay 50.000.000 đồng ngày 20/4/2013 như ông C yêu cầu. Bà không thừa nhận bản photocopy Giấy vay tiền ngày 20/4/2013 ông C cung cấp cho Tòa án. Chữ viết và chữ ký nhìn trong bản photocopy giống của bà, nhưng ngày tháng năm đã bị sửa, phần lãi suất không phải chữ của bà. Bà yêu cầu ông C cung cấp bản C giấy vay tiền ngày 20/4/2013 để đối chiếu, xác nhận có phải do bà viết, ký hay không. Bà xác định ngày 20/4/2013 không vay tiền và nhận của ông C 50.000.000 đồng như ông C trình bày, không đồng ý trả như ông C yêu cầu.

Bà thừa nhận có mượn ông C 7.500.000 đồng, gồm nhiều khoản nhỏ như ông C trình bày và yêu cầu ở trên. Khoản tiền này không nằm trong 10.000.000 đồng Tòa án nhân dân huyện Đ đã giải quyết tại Bản án số 15/2015/DSST ngày 16/12/2015. Bà không đồng ý trả số tiền này, vì bà đã đáp ứng tình cảm theo yêu cầu của ông C để đổi lại việc ông C cho bà tiền.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DSST ngày 27/5/2019, Tòa án nhân dân huyện Đ áp dụng các Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức C, buộc bà Hồ Thị Bích V trả cho ông C 7.500.000 đồng; không chấp nhận phần ông C yêu cầu bà V trả 113.000.000 đồng gồm 50.000.000 đồng gốc vay ngày 20/4/2013 và 63.000.000 đồng lãi phát sinh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất do chậm thi hành án theo luật định.

Ngày 06/6/2019, nguyên đơn Nguyễn Đức C kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DSST ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, vì phán quyết của cấp sơ thẩm chưa khách quan, không có cơ sở pháp lý, gây thiệt hại cho ông; đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác liên quan, và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và những người tham gia tố tụng đã công khai thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bản photocopy “Giấy mượn tiền” đề ngày 20/4/2013 đối với khoản vay 50.000.000 đồng ông C xuất trình không được xE là chứng cứ để giải quyết vụ án. Ông C không cung cấp được bản C giấy tờ này; bà V không thừa nhận vay ông C 50.000.000 đồng ngày 20/4/2013. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận khởi kiện của ông C yêu cầu bà V thanh toán gốc và lãi phát sinh đối với khoản vay 50.000.000 đồng ngày 20/4/2013 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Đức C, giữ nguyên nội dung quyết định như án sơ thẩm đã tuyên.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Đức C đúng theo quy định pháp luật và trong thời hạn luật định, nên được xE xét theo trình tự phúc thẩm. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Nguyễn Đức C khởi kiện bị đơn Hồ Thị Bích V (thường trú tại ấp Phước Thọ, xã Phước Hưng, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) về nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng vay tài sản. Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn Nguyễn Đức C kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DSST ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 38, các Điều 270, 271, 273, 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền xE xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[2.] Về nội dung:

Ông C khởi kiện yêu cầu bà V thanh toán 120.500.000 đồng trong hai hợp đồng vay tài sản, gồm:

+ 113.000.000 đồng cho khoản vay ngày 20/4/2013, bao gồm 50.000.000 đồng gốc, và 63.000.000 đồng lãi trong 63 tháng với lãi suất 2%/tháng. Khoản vay này có lập giấy vay thời hạn 2 tháng, lãi suất 2%/tháng, nhưng bản C giấy vay tiền đã thất lạc.

+ 7.500.000 đồng các khoản vay nhỏ nhiều lần không tính lãi, không lập giấy tờ.

Bà V chỉ thừa nhận khoản tiền 7.500.000 đồng cộng dồn không lập giấy tờ, nhưng cho rằng được ông C cho bà để trao đổi quan hệ nam nữ, nên không đồng ý trả.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C; buộc bà V thanh toán cho ông C khoản vay 7.500.000 đồng. Ông C kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

[3.] Về nguồn luật nội dung áp dụng giải quyết tranh chấp trong vụ án:

Theo tài liệu, chứng cứ nguyên đơn xuất trình có trong hồ sơ vụ án thì Hợp đồng vay tiền giao kết giữa các bên gồm hai khoản: một khoản xác lập ngày 20/4/2013, ghi nhận thời hạn hợp đồng 02 tháng; một khoản gồm nhiều khoản vay nhỏ cộng dồn kéo dài từ ngày 06/10/2016 đến ngày 03/7/2018, với thời hạn theo trình bày là 01 tháng. Như vậy hợp đồng được xác lập và kéo dài thời hạn thực hiện từ ngày 20/4/2013, nay phát sinh tranh chấp về nguyên tắc phải áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự 2005 và các văn bản hướng dẫn liên quan để giải quyết về nội dung. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các Điều luật liên quan đến Hợp đồng vay tài sản của Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết nội dung vụ án là chưa C xác trong việc áp dụng pháp luật.

[4.] Về kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Đức C yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông; buộc bà V phải trả cho ông khoản vay 50.000.000 đồng và 63.000.000 đồng lãi phát sinh theo bản photocopy Giấy vay tiền ngày 20/4/2013.

[4.1.] Ông C cho bà V vay tiền nhiều lần, nhiều khoản, lập nhiều giấy tay ghi nhận nội dung vay; đã nhiều lần khởi kiện, được giải quyết bằng các bản án và quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đã có hiệu lực pháp luật trong các năm 2012, 2015. Nay ông C tiếp tục khởi kiện yêu cầu bà V thanh toán nhiều khoản vay, trong đó có khoản vay 50.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 2 tháng, với giấy tờ kèm theo là bản photocopy giấy vay tiền lập ngày 20/4/2013; cùng với các khoản vay thời hạn 01 tháng như trình bày nhưng không lập giấy tờ, không tính lãi trong các năm từ 2016 đến 2018.

[4.2.] Xét về thời điểm, khoản vay 50.000.000 đồng có lập giấy tờ phát sinh và đến hạn thanh toán trước khi ông C khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và được giải quyết bằng bản án dân sự sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật số 15/2015/DSST ngày 16/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ; nhưng ông C không khởi kiện đòi khoản tiền đến hạn thanh toán này trong cùng vụ án đã được giải quyết năm 2015. Xét về nội dung, bà V chỉ thừa nhận khoản tiền tổng cộng 7.500.000 đồng cộng dồn, không lập giấy tờ, không tính lãi; và không thừa nhận khoản vay 50.000.000 đồng như ông C trình bày, không chấp nhận bản photocopy giấy vay tiền ông C xuất trình kèm theo yêu cầu thanh toán nợ. Ông C không xuất trình được bản C Giấy vay tiền lập ngày 20/4/2013 vì cho rằng đã thất lạc khi gửi qua đường bưu điện đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm. Vì vậy không có căn cứ để

xác định việc bà V vay ông C 50.000.000 đồng ngày 20/4/2013, như trình bày và yêu cầu thanh toán từ ông C.

[4.3.] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C đối với khoản vay 7.500.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu đối với khoản vay 50.000.000 đồng và lãi phát sinh là có cơ sở, đúng pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 làm nguồn luật nội dung giải quyết vụ án là chưa C xác. Vì việc áp dụng pháp luật này không ảnh hưởng đến quyết định giải quyết vụ án và quyền lợi hợp pháp của các đương sự, nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại Điều luật áp dụng giải quyết vụ án bằng các quy định tương ứng của Bộ luật Dân sự 2005. Đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[4.4.] Ông C kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm nhưng không có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, giữ nguyên nội dung quyết định của bản án sơ thẩm.

[4.5.] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5.] *Về án phí:* miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông C vì là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Đức C, giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DSST ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 38, các Điều 270, 271, 273, 293, 147, 148, 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, 473, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức C; buộc bà Hồ Thị Bích V phải trả cho ông Nguyễn Đức C 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đức C về việc yêu cầu bà Hồ Thị Bích V trả 113.000.000 đồng (Một trăm mười ba triệu đồng), gồm 50.000.000

đồng (Năm mươi triệu đồng) vay gốc ngày 20/4/2013 và 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng) lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí cho ông Nguyễn Đức C.

Bà Hồ Thị Bích V nộp 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn án phí cho ông Nguyễn Đức C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (10/10/2019).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (3): NV, Tòa Dân sự, hồ sơ.

Trần Minh Bắc

